

Số: /QĐ-SYT Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**  
**đợt 11 năm 2026**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;*

*Căn cứ Biên bản họp xét của Tổ Thư ký thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Sở Y tế;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đợt 10 năm 2026 cho 18 cá nhân (Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý KCB (để báo cáo);
- BGD Sở Y tế (để báo cáo);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

(Bs.Lam/24.8.26)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lưu Văn Dũng**

**DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**  
**ĐỢT 11 NĂM 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số        /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2026 của Sở Y tế)*

| STT | Họ tên              | Ngày sinh  | Số CCCD      | Quốc tịch | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề | Số GPHN          | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------|--------------|-----------|----------------------|-------------------|------------------|---------|
| 1   | HÀ HUY TIẾN         | 09/08/1981 | 075081004477 | Việt Nam  | Y sỹ                 | Y học cổ truyền   | 002839/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 2   | TRẦN THỊ ANH ĐÀO    | 24/09/2004 | 075304021615 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002840/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 3   | MAI THẢO NHUNG      | 16/10/2003 | 075303020291 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002841/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 4   | PHẠM HOÀNG ĐAN NHI  | 26/03/2004 | 075304015170 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002842/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 5   | ĐOÀN THỊ THANH THỦY | 13/03/1991 | 042191009013 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002843/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 6   | LƯU NỮ MINH VÂN     | 02/04/2003 | 060303002575 | Việt Nam  | Hộ sinh              | Hộ sinh           | 002844/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 7   | PHẠM HỮU TUẤN       | 17/07/1994 | 040094027296 | Việt Nam  | Y sỹ                 | Y học cổ truyền   | 002845/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |

| STT | Họ tên                | Ngày sinh  | Số CCCD      | Quốc tịch | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề                                  | Số GPHN          | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------|--------------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------|------------------|---------|
| 8   | VÕ HỒNG HÀO           | 07/05/1994 | 075094000676 | Việt Nam  | Y sỹ                 | Y học cổ truyền                                    | 002846/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 9   | HOÀNG THỊ HẰNG        | 03/10/1987 | 038187037628 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng                                         | 002847/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 10  | ĐINH THỊ THANH HIẾU   | 26/01/1996 | 052196008476 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng                                         | 002848/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 11  | ĐÀNG THU HƯƠNG        | 28/08/2001 | 058301002903 | Việt Nam  | Hộ sinh              | Hộ sinh                                            | 002849/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 12  | NGUYỄN QUỐC HÙNG      | 08/01/2000 | 070200005934 | Việt Nam  | Bác sỹ               | Y khoa                                             | 002850/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 13  | NGUYỄN NGỌC LÂM       | 02/09/1982 | 042082010874 | Việt Nam  | Bác sỹ               | Y khoa                                             | 002851/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 14  | VÕ VĂN TÂM            | 15/04/1992 | 075092004027 | Việt Nam  | Bác sỹ               | Y học cổ truyền                                    | 002852/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 15  | TRẦN THÁI PHƯƠNG      | 20/01/1984 | 083084016672 | Việt Nam  | Bác sỹ               | Chuyên khoa<br>Phẫu thuật<br>tạo hình -<br>thẩm mỹ | 002853/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 16  | NGUYỄN QUANG NHẬT HUY | 14/01/2002 | 075202012371 | Việt Nam  | Kỹ thuật y           | Phục hồi chức năng                                 | 002854/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |

| STT | Họ tên         | Ngày sinh  | Số CCCD      | Quốc tịch | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề | Số GPHN          | Ghi chú |
|-----|----------------|------------|--------------|-----------|----------------------|-------------------|------------------|---------|
| 17  | LÊ XUÂN TRƯỜNG | 04/03/1993 | 037093009885 | Việt Nam  | Kỹ thuật y           | Xét nghiệm y học  | 002855/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 18  | LÊ XUÂN KIM    | 16/05/1999 | 075099005327 | Việt Nam  | Kỹ thuật y           | Xét nghiệm y học  | 002856/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |